ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHẬT QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 11/KH-UBND	*Nhật Quang, ngày 07 tháng 02 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính xã Nhật Quang năm 2022

Căn cứ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Phù Cừ về Cải cách hành chính Nhà nước huyện Phù Cừ năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 18/01/2022 của UBND xã Nhật Quang về Cải cách hành chính xã Nhật Quang giai đoạn 2021 – 2025, Ủy ban nhân dân xã Nhật Quang ban hành Kế hoạch cải cách hành chính xã Nhật Quang năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 – 2030; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 07/01/2022 của UBND huyện về cải cách hành chính nhà nước huyện Phù Cừ giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 28/01/2022 của UBND xã Nhật Quang về cải cách hành chính xã Nhật Quang giai đoạn 2021 – 2025.

2. Yêu cầu

a) Địa phương nhận thức đầy đủ, xác định công tác CCHC là trọng tâm, thường xuyên trên cơ sở tình hình thực tế để triển khai thực hiện. Các nội dung phải được triển khai đồng bộ; xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng đề ra.

b) Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC; đảm bảo nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

c) Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm, ưu điểm, kết quả đạt được trong CCHC của cơ quan trong giai đoạn vừa qua; chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt

áp dụng những giải pháp mới để CCHC là khâu đột phá trong quản lý hành chính nhà nước.

II. MỤC TIÊU

Kết quả Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng Công nghệ, thông tin (ICI INDEX) và mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cao hơn năm 2021.

1. Cải cách thể chế

a) 100% các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do HĐND, UBND xã ban hành bảo đảm trình tự, thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

b) 100% các văn bản QPPL về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức và người dân.

c) 100% các Quyết định là văn bản QPPL của UBND xã được kiểm tra ngay sau khi được ban hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính (CCHC)

a) Trên 95% số hồ sơ TTHC được trả kết quả giải quyết đúng hạn; phấn đấu 80% hồ sơ TTHC trả kết quả trước hạn.

b) Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết đạt tỷ lệ tối thiểu 35%.

c) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

d) 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được niêm yết công khai và cập nhật kịp thời.

đ) 100% hồ sơ TTHC phát sinh giữa các cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và bưu chính công ích.

e) 100% hồ sơ TTHC giải quyết tại UBND xã được cập nhật trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

4. Cải cách công vụ

a) 100% cán bộ, công chức thực hiện trao đổi hoàn toàn lượng công việc trên môi trường mạng

b) 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn về trình độ, đào tạo theo quy định và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

5. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục thực hiện các quy định về cơ cấu tài chính của đơn vị, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, văn hóa, thể dục, thể thao; chú trọng đổi mới cơ chế tài chính của các cơ sở giáo dục, đào tạo, y tế công lập theo hướng tự chủ, công khai, minh bạch.

b) Thực hiện có hiệu quả cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chỉ tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan hành chính.

c) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát việc quản lý ngân sách nhà nước: thực hiện có hiệu quả công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước để đảm bảo đủ nguồn, đáp ứng nhu cầu chi.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử; Chính quyền số

a) 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số đầy đủ theo quy định bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định.

b) 20% hồ sơ công việc tại UBND xã được xử lý trên môi trường mạng.

c) Phấn đầu tỷ lệ hồ sơ giải quyết bằng hình thức trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 30% trở lên.

d) 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp, sử dụng trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Cải cách thể chế

a) Thể chế hóa các quy định của Hiến pháp, pháp luật về quyền con người, quyền công dân, quyền và nghĩa vụ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp.

b) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL bảo đảm các văn bản được ban hành kịp thời, đúng quy trình, đảm bảo tính khả thi, hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật; quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận trong việc xây dựng và thực hiện các thể chế được ban hành.

c) Tăng cường tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, đảm bảo tính minh bạch, tính nhất quán, ổn định và khả thi của pháp luật. Đảm bảo 100% các văn bản QPPL được ban hành bảo đảm đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

d) Ban hành Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL để kịp thời phát hiện và xử lý những văn bản có nội dung không đúng quy định của pháp luật, thiếu đồng bộ, không phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

đ) Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Bảo đảm thực hiện công khai kịp thời, đầy đủ, cụ thể các quy định về TTHC để tạo điều kiên thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, thực hiện và giám sát việc thực hiện TTHC.

b) Phối hợp rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC (cắt giảm thời gian, thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện các TTHC đang là rào cản, tốn kém chi phí của người dân, doanh nghiệp…).

c) Kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất và chuyên đề công tác kiểm soát TTHC.

d) Quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đối với việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến cải cách TTHC, kiểm soát TTHC.

đ) Triển khai có hiệu quả Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

e) Triển khai thực hiện TTHC trên môi trường điện tử dựa trên dữ liệu số.

g) Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

h) Tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân. Thực hiện xin lỗi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức đối với các trường hợp hồ sơ trễ hẹn do lỗi của cơ quan hành chính nhà nước và giải trình lý do.

i) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với các TTHC đủ điều kiện trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

k) Chủ động, tích cực tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do UBND xã, Chủ tịch UBND xã giao và sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, cá nhân trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo số biên chế do tỉnh giao và phù hợp với tình hình của xã.

b) Tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo tinh thần các Nghị quyết số: 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XXII.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức thuộc UBND xã, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

b) Triển khai thực hiện quy trình về tăng cường kỷ luật, kỷ cương kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ đồng thời thực hiện nghiêm quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

c) Đẩy mạnh việc ứng dựng công nghệ thông tin vào các hoạt dộng thực thi công vụ như: Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý cán bộ, công chức.

d) Thường xuyên thực hiện tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; kịp thời phát hiện, xử ly nghiêm những tổ chức, cá nhân sai phạm.

5. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nhị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 một số vấn đề về tiếp tục

đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

b) Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị quyết số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên…

d) Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, văn hóa, thể dục, thể thao.

đ) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các ban, ngành, đoàn thể; thực hiện có hiệu quả cơ chế phân cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động.

e) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát việc quản lý ngân sách nhà nước; thực hiện có hiệu quả công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước để đảm bảo đủ nguồn, đáp ứng nhu cầu chi của xã.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 06-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, bảo đảm đúng lộ trình, đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả, thực chất.

b) Tiếp tục sử dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành để đảm bảo việc thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và các nội dung khác theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

c) Đảm bảo 100% cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử công vụ để thực hiện trao đổi thông tin, giao dịch hành chính điện tử một cách hiệu quả trong nội bộ cơ quan.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ theo đúng tiến độ nhằm từng bước đạt được các mục tiêu của Đề án "Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020-2025".

(Nhiệm vụ cụ thể theo Phụ lục đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Văn phòng- Thống kê

- Chủ trì phối hợp các ban, ngành, đoàn thể liên quan tham mưu Chủ tịch UBND xã các nội dung: Văn bản chỉ đạo về CCHC, xây dựng kế hoạch, báo cáo CCHC theo yêu cầu của Phòng Nội vụ, UBND huyện; Chủ trì, thực hiện công tác kiểm tra CCHC tại các ban, ngành, đoàn thể xã; Tham mưu, đề xuất, tổng hợp các sáng kiến giải pháp CCHC mới có tác động tốt đến hoạt động của các cơ quan hành chính xã; Thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tổ chức bộ máy; cải cách công vụ; đánh giá chấm điểm Chỉ số CCHC của xã theo Kế hoạch của UBND tỉnh, huyện; Xác định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm; tổng hợp báo cáo UBND xã các vấn đề còn hạn chế; chủ trì bình xét thi đua khen thưởng trong công tác CCHC hàng năm.

- Tham mưu UBND các xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác cải cách TTHC; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời báo cáo UBND huyện xem xét, xử lý việc thực hiện cải cách, kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử tại bộ phận một của UBND xã.

2. Công chức Tư Pháp – Hộ tịch xã.

- Chủ trì, phối hợp với ban, ngành, đoàn thể có liên quan tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND xã thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế.

- Tham gia ý kiến, rà soát dự thảo VBQPPL của xã; trình Chủ tịch UBND xã ban hành các Quyết định: Quyết định ban hành Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2022 của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã.

- Thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu, đề nghị của Phòng Tư pháp về xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản: Kiểm tra, rà soát thường xuyên; kiểm tra, rà soát theo chuyên đề để kịp thời phát hiện những văn bản không còn phù hợp với quy định trong VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc điều kiện thực tiễn của xã; kịp thời xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ

cho phù hợp, đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng và 1 năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL.

- Triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ: thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã.

- Triển khai thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật; thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định.

3. Công chức Tài chính – Kế hoạch xã

Chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung về công tác cải cách tài chính công, có trách nhiệm hướng dẫn các ban, ngành, đoàn thể trong việc lập dự toán ngân sách, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC hàng năm đảm bảo theo quy định; hướng dẫn, theo dõi các cơ quan hành chính nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách, định mức thu, chi ngân sách nhà nước.

4. Công chức Văn hóa – xã hội xã

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT; chủ trì, phối hợp với các công chức chuyên môn thuộc UBND xã để triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng Chính quyền điện tử.

- Hướng dẫn, đôn đốc Đài truyền thanh xã, thường xuyên có các chương trình tuyên truyền về CCHC, về ứng dụng CNTT để tương tác giữa cơ quan nhà nước và người dân. Tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức các nội dung về an toàn, an ninh thông tin.

5. Công chức Địa chính Xây dựng xã

Chủ trì phối hợp với các công chức chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai.

6. Đài truyền thanh xã

Phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức và các bộ phận có liên quan tuyên truyền, có giải pháp khuyến khích người dân, tổ chức thường xuyên sử dụng dịch vụ bưu chính công ích được cung ứng.

Trên đây là kế hoạch triển khai công tác cải cách hành chính năm 2022 của UBND xã Nhật Quang. Các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức căn cứ các nhiệm vụ được phân công nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Phòng Nội vụ;
- Chủ tịch, Phó CT UBND xã;
- Trưởng ban, ngành, đoan thể xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Ân